

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ TƯ PHÁP

TÀI LIỆU
HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

Quảng Bình, tháng 6 năm 2019

PHẦN I:
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XÂY DỰNG
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN
TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA VÀ VỊ TRÍ VAI TRÒ

1. Mục đích, ý nghĩa

a) Nâng cao nhận thức pháp luật, giáo dục ý thức tôn trọng, tuân thủ và chấp hành pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền được thông tin về pháp luật; kịp thời tháo gỡ mâu thuẫn, tranh chấp, vướng mắc, kiến nghị trong thi hành pháp luật trên địa bàn cấp xã.

b) Tổ chức và bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thi hành Hiến pháp, pháp luật, quản lý nhà nước và xã hội bằng pháp luật. Nắm bắt thực trạng, đề xuất giải pháp khắc phục hạn chế, tồn tại trong quản lý, tổ chức thực hiện các tiêu chí và chỉ tiêu tiếp cận pháp luật; góp phần nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức cấp xã trong thực thi công vụ.

c) Cải thiện điều kiện tiếp cận thông tin pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở cơ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

d) Góp phần góp phần xây dựng nông thôn mới,

cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa pháp lý của người dân khu vực nông thôn.

2. Vị trí, vai trò

Đối với quản lý nhà nước và chỉ đạo triển khai nhiệm vụ của cơ sở: Tác động trực tiếp đến hoạt động của chính quyền các cấp, nhất là cấp xã; giúp chính quyền cấp xã thấy được những tồn tại, hạn chế trong chỉ đạo, điều hành, triển khai các nhiệm vụ chuyên môn để có giải pháp khắc phục, thực hiện đạt kết quả tốt hơn; góp phần tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước, thực thi nhiệm vụ chuyên môn của chính quyền cấp xã; nâng cao ý thức trách nhiệm, hiệu quả thực thi công vụ của cán bộ, công chức cấp xã; đồng thời đề xuất, kiến nghị hoàn thiện thể chế, chính sách về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, cũng như công tác thi hành pháp luật.

Đối với quản lý xã hội: Việc chấm điểm, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu chính là chấm điểm, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền, phạm vi của chính quyền và cán bộ, công chức cấp xã. Giúp các tổ chức, cá nhân sẽ được bảo đảm thực hiện quyền của mình. Việc bổ sung “xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” là tiêu chí thành phần của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 đã khẳng định rõ vị trí, vai trò quan trọng của nhiệm vụ này nói riêng và pháp luật nói chung trong xây dựng nông thôn mới và thực hiện chủ trương “Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông

thôn... xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; dân trí được nâng cao..." của Đảng và Nhà nước ta¹; giữ vững mục tiêu bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội khu vực nông thôn, đồng thời có biện pháp hạn chế tiêu cực, tệ nạn xã hội; giải quyết có hiệu quả, kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp trên địa bàn dân cư.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

1. Đối tượng áp dụng

- Xã, phường, thị trấn (cấp xã): Đây vừa là đối tượng đánh giá (thông qua việc tự đánh giá và việc xem xét, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cơ quan có thẩm quyền), vừa là chủ thể có nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (thông qua chỉ đạo, quản lý, thực hiện các hoạt động đã được xác định thành nội dung của các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật).

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Đây là những chủ thể tham gia chỉ đạo, quản lý như: Bộ Tư pháp, các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, công chức Tư pháp - Hộ tịch, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên của Mặt trận các cấp...; tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo chính

¹ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

sách xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

2. Mục tiêu

a) Nâng cao nhận thức pháp luật, giáo dục ý thức tôn trọng, tuân thủ và chấp hành pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền được thông tin về pháp luật; kịp thời tháo gỡ mâu thuẫn, tranh chấp, vướng mắc, kiến nghị trong thi hành pháp luật trên địa bàn cấp xã.

b) Tổ chức và bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thi hành Hiến pháp, pháp luật, quản lý nhà nước và xã hội bằng pháp luật; nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức cấp xã trong thực thi công vụ.

c) Cải thiện điều kiện tiếp cận thông tin pháp luật, PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, giải quyết thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở cơ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

d) Góp phần thúc đẩy, thực hiện toàn diện mục tiêu xây dựng nông thôn mới, cụ thể là xây dựng xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, an ninh, trật tự được giữ vững; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

3. Nguyên tắc thực hiện:

a) Bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch.

b) Xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị, gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh của địa phương.

c) Kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là tiêu chí đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới và phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh; đảng bộ, chính quyền cấp xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”; là tiêu chí đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm của chính quyền cấp xã.

III. CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 1

Ngày 24/01/2013, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/3/2013. Quyết định quy định 08 tiêu chí với 41 chỉ tiêu thành phần: 1) về giải quyết các vụ việc hành chính, tư pháp; 2) về ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND xã, phường; 3) về phổ biến, giáo dục pháp luật; 4) về trợ giúp pháp lý; 5) về thực hiện dân chủ ở xã, phường; 6) về thiết chế tiếp cận pháp luật của xã hội; 7) về bộ máy bảo đảm thực hiện thiết chế pháp luật; 8) về kinh phí và cơ sở vật chất. Ngoài ra, Quyết định còn quy định về điều kiện công nhận, xếp hạng, biểu dương địa phương đạt chuẩn và tiêu biểu về tiếp cận pháp luật; quy trình đánh giá, công nhận, biểu dương, khen thưởng xã, phường, thị trấn, quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt chuẩn và tiêu biểu về tiếp

cận pháp luật. Thực hiện Quyết định 09/QĐ-TTg có 5 địa phương trong toàn quốc được lựa chọn làm thử về xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gồm Cà Mau, Điện Biên, Thái Bình, Quảng Bình và thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giai đoạn 2

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm từ việc làm thử của Quyết định 09/2013/QĐ-TTg, theo đề xuất của Bộ Tư pháp, Thủ tướng Chính phủ đã bổ sung nhiệm vụ đánh giá, công nhận, xây dựng xã tiếp cận pháp luật trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ). Ngày 08/5/2017, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 619/QĐ-TTg ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Quyết định số 14/2017/QĐ-TTg bãi bỏ Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg.

Đối với xã, nhiệm vụ này sẽ được triển khai gắn kết với xây dựng nông thôn mới do tiêu chí xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là một tiêu chí thành phần của Bộ Tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (tiêu chí thành phần 18.5 thuộc Tiêu chí 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật). Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gồm có 10 điều: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1); Mục tiêu (Điều 2); Nguyên tắc thực hiện (Điều 3); Nội dung xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

(Điều 4); Các tiêu chí tiếp cận pháp luật (Điều 5); Điều kiện, thẩm quyền công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Điều 6); Quy trình đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Điều 7); Niêm yết kết quả đánh giá, công bố cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Điều 8); Kinh phí xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Điều 9); Tổ chức thực hiện (Điều 10)

3. Một số điểm mới về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định 619/QĐ-TTg so với Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg

Thứ nhất, Quy định đã thu hẹp đối tượng đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Thay vì đánh giá đối với cả 03 cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã Quy định chỉ tập trung đánh giá cấp xã để bảo đảm tính khả thi, thực chất vì các địa phương mới triển khai nhiệm vụ này, chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn nên việc thực hiện rộng rãi sẽ gây khó khăn, lúng túng. Bên cạnh đó, việc tập trung đánh giá cấp xã cũng để đảm bảo gắn kết, thống nhất với xây dựng, đánh giá xã đạt nông thôn mới.

Thứ hai, nâng cao vị trí, vai trò của xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh của địa phương, trong đó gắn kết giữa xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật với xây dựng nông thôn mới; đánh giá đô thị văn minh; đảng bộ, chính quyền cấp xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh” và thi đua, khen thưởng hằng năm của chính

quyền cấp xã. Qua đó, bảo đảm việc đánh giá được toàn diện, thực chất.

Thứ ba, các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật được giảm bớt, tập trung vào các nội dung có liên quan đến tiếp cận pháp luật cho người dân. Theo đó, số lượng tiêu chí, chỉ tiêu đã giảm đáng kể, chỉ còn 05 tiêu chí (giảm 03 tiêu chí) và 25 chỉ tiêu (giảm 16 chỉ tiêu). Đặc biệt, để đảm bảo tính bền vững, ổn định của các tiêu chí tiếp cận pháp luật trong Quy định, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn, cụ thể hóa nội dung và điểm số các chỉ tiêu của các tiêu chí tiếp cận pháp luật.

Thứ tư, không thực hiện phân loại cấp xã theo tiêu chí riêng như trước đây mà thống nhất tiêu chí phân loại cấp xã loại I, loại II, loại III để đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo tiêu chí chung về phân loại đơn vị hành chính cấp xã nhằm khắc phục tính trùng lặp, chồng chéo trong phân loại cấp xã theo quy định của Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg.

Thứ năm, thẩm quyền xem xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thay vì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh như Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg để bảo đảm việc đánh giá, công nhận được thực chất hơn và nâng cao trách nhiệm, vai trò của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thực hiện nhiệm vụ này, đồng thời giảm sự quá tải công việc cho cấp tỉnh.

Thứ sáu, việc đánh giá, công nhận cấp xã tiếp cận

pháp luật được tiến hành hằng năm căn cứ kết quả đạt được theo năm kinh tế - xã hội, tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 của năm đánh giá, khác với thời hạn đánh giá theo Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg là tính từ ngày 01/07 của năm trước đến ngày 30/6 của năm đánh giá. Thời hạn công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trước ngày 25/01 của năm liền kề sau năm đánh giá, còn theo Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg thời hạn này là nhân dịp Ngày Pháp luật Việt Nam 9/11 của năm đánh giá.

Thứ bảy, Quyết định số 619/QĐ-TTg quy định chỉ thành lập Hội đồng ở cấp huyện để tư vấn, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức việc đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, khác với Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg quy định thành lập Hội đồng ở cả 03 cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Quy định này xuất phát từ việc thu hẹp đối tượng đánh giá (chỉ còn cấp xã) và điều chỉnh thẩm quyền công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho cấp huyện.

Thứ tám, Quyết định số 619/QĐ-TTg quy định một điểm mới nữa là đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng và thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của cấp xã nhằm tăng tính khách quan, minh bạch trong đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Phần II
HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ XÂY DỰNG
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN
TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

A - CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU VỀ CHUẨN
TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Quy định 619/QĐ-TTg có 05 tiêu chí thành phần, 25 chỉ tiêu với tổng số 100 điểm, gồm:

- Tiêu chí 1. Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật (15 điểm);

- Tiêu chí 2. Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã (30 điểm);

- Tiêu chí 3. Phổ biến, giáo dục pháp luật (25 điểm);

- Tiêu chí 4. Hòa giải ở cơ sở (10 điểm)

- Tiêu chí 5. Thực hiện dân chủ ở cơ sở (20 điểm).

II. NỘI DUNG, CÁCH TÍNH ĐIỂM VÀ
TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN 05 TIÊU CHÍ VỀ
ĐÁNH GIÁ CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Tiêu chí 1: Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật (15 điểm) gồm 3 chỉ tiêu:

1.1. Chỉ tiêu 1: Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên tại địa

phương và triển khai thực hiện đúng yêu cầu, tiến độ (04 điểm) có 3 nội dung:

a) Nội dung 1: Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định những vấn đề được luật giao (01 điểm),

- Cách tính điểm:

+ Nếu trong năm đánh giá HĐND và UBND ban hành Nghị quyết, Quyết định để quy định những vấn đề được luật giao đầy đủ, đúng tiến độ: 01 điểm;

+ Nếu ban hành đầy đủ nhưng chậm tiến độ hoặc đúng tiến độ nhưng chưa đầy đủ: 0,5 điểm;

+ Nếu không ban hành: 0 điểm.

Chú ý: Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ ban hành văn bản quy phạm pháp luật do luật giao thì được điểm tối đa.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Văn phòng - Thống kê

- Tài liệu kiểm chứng: Văn bản giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị quyết, Quyết định được ban hành

b) Nội dung 2: Ban hành kế hoạch, văn bản khác triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên đúng yêu cầu, tiến độ (01 điểm)

- Cách tính điểm: Tỷ lệ % = (Tổng số kế hoạch,

văn bản khác được ban hành theo đúng yêu cầu, tiến độ đề ra/Tổng số kế hoạch, văn bản khác được giao ban hành) x 100

Bước 1: Xác định tổng số kế hoạch, văn bản được giao ban hành;

Bước 2: Xác định tổng số kế hoạch, văn bản được ban hành theo đúng yêu cầu, tiến độ đề ra;

Bước 3: Xác định tỷ lệ % theo công thức và tính điểm số của chỉ tiêu này.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm: Công chức Văn phòng - Thống kê

- Tài liệu kiểm chứng: Văn bản của cấp trên có nội dung giao ban hành văn bản, kế hoạch; Các kế hoạch, văn bản được ban hành

c) *Nội dung 3*: Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, văn bản khác nêu trên (02 điểm)

- Cách tính điểm:

+ Nếu trong năm đánh giá, chính quyền cấp xã tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, văn bản khác kịp thời, đúng quy định: 02 điểm;

+ Nếu tổ chức thực hiện nhưng không kịp thời hoặc không đúng quy định hoặc tổ chức thực hiện kịp thời nhưng chưa đảm bảo yêu cầu, chất lượng: 01 điểm;

+ Nếu không tổ chức thực hiện: 0 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Văn phòng - Thống kê

- Tài liệu kiểm chứng: Các hoạt động tổ chức, thực hiện; báo cáo kết quả

1.2. Chỉ tiêu 2: An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) trên địa bàn cấp xã được kiểm chế, có giảm so với năm trước (06 điểm). Chỉ tiêu này có 3 nội dung:

a) *Nội dung 1:* Ban hành văn bản của cấp ủy hoặc chính quyền hằng năm về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã (01 điểm)

- *Cách tính điểm:*

+ Nếu trong năm đánh giá, ban hành văn bản của cấp ủy hoặc chính quyền hằng năm về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã: 01 điểm;

+ Nếu không ban hành nghị quyết hoặc kế hoạch: 0 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Văn phòng - Thống kê

- Tài liệu kiểm chứng: Nghị quyết của Đảng ủy xã hoặc Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành

b) *Nội dung 2*: Tình hình an ninh chính trị được bảo đảm, không để xảy ra trọng án trên địa bàn cấp xã (02 điểm)

- Cách tính điểm:

+ Nếu trong năm đánh giá địa bàn cấp xã tình hình an ninh chính trị được bảo đảm, không để xảy ra trọng án: 02 điểm;

+ Nếu tình hình an ninh chính trị không được bảo đảm, trên địa bàn cấp xã xảy ra trọng án: 0 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm: Trưởng công an xã chủ trì phối hợp với Công chức Văn phòng - Thống kê

- Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo/Số liệu thống kê tình hình tội phạm trên địa bàn cấp xã

c) *Nội dung 3*: Kiểm chế, giảm tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) trên địa bàn (03 điểm)

- Cách tính điểm: Nếu trong năm đánh giá, trên địa bàn cấp xã tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, có giảm so với năm trước liền kề năm đánh giá: 03 điểm.

Chú ý: Tội phạm và tệ nạn xã hội của năm đánh giá tăng so với năm trước liền kề năm đánh giá bị 0 điểm và còn bị trừ 0,25 điểm

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:

Trường công an xã chủ trì phối hợp với Công chức Văn phòng - Thống kê

- Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo/Số liệu thống kê tình hình tội phạm trên địa bàn cấp xã

1.3. Chỉ tiêu 3: Giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn; không có hoặc giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài trên địa bàn cấp xã so với năm trước (05 điểm). Chỉ tiêu này có 3 nội dung:

a) Nội dung 1: Khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn (03 điểm),

- Cách tính điểm: $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ khiếu\ nại,\ tố\ cáo\ được\ giải\ quyết\ đúng\ trình\ tự,\ thủ\ tục,\ thời\ hạn / Tổng\ số\ khiếu\ nại,\ tố\ cáo\ được\ tiếp\ nhận,\ giải\ quyết\ theo\ thẩm\ quyền) \times 100$

Bước 1: Xác định tổng số khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền;

Bước 2: Xác định tổng số khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn;

Bước 3: Xác định tỷ lệ % theo công thức và tính điểm số của chỉ tiêu này.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm: Công chức Văn phòng - Thống kê

- Tài liệu kiểm chứng: Sổ theo dõi tình hình tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo

b) Nội dung 2: Về khiếu nại, tố cáo kéo dài (01 điểm).

- Cách tính điểm: Khiếu nại, tố cáo kéo dài tại nội dung này được hiểu là các vụ việc khiếu nại, tố cáo đã được người có thẩm quyền giải quyết và thực hiện đúng quy định của pháp luật nhưng đương sự vẫn tiếp tục khiếu nại, tố cáo hoặc chưa giải quyết theo đúng quy định pháp luật về thời hạn khiếu nại, tố cáo.

+ Nếu trong năm đánh giá trên địa bàn cấp xã không có khiếu nại, tố cáo kéo dài: 01 điểm;

+ Nếu giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài so với năm trước liền kề năm đánh giá: 0,5 điểm;

+ Nếu không giảm hoặc tăng khiếu nại, tố cáo kéo dài so với năm trước liền kề năm đánh giá: 0 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Văn phòng - Thống kê

- Tài liệu kiểm chứng: Sổ theo dõi tình hình tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo

c) Nội dung 3: Thực hiện đúng quy định của pháp luật về tiếp công dân (01 điểm)

- Cách tính điểm: Điểm số nội dung này được chấm trên các khía cạnh sau:

+ Trong năm đánh giá chính quyền cấp xã bảo đảm các điều kiện tiếp công dân và tổ chức tiếp công dân đúng quy định: 0,5 điểm; nếu không đảm bảo: 0 điểm;

+ Trong năm đánh giá đối với những kiến nghị, phản ánh qua tiếp công dân được chính quyền cấp xã

giải quyết đúng thời hạn và thông báo cho người đã đến kiến nghị, phản ánh bằng hình thức theo quy định của pháp luật: 0,5 điểm; nếu không thực hiện: 0 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Văn phòng - Thống kê

- Tài liệu kiểm chứng: Sổ theo dõi tình hình tiếp công dân.

2. Tiêu chí 2: Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã gồm 5 chỉ tiêu (30 điểm):

2.1. Chỉ tiêu 1: Công khai đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính (04 điểm). Chỉ tiêu này có 3 nội dung:

a) Nội dung 1: Thủ tục hành chính được niêm yết công khai đầy đủ theo quy định (02 điểm).

- Cách tính điểm: $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ thủ\ tục\ hành\ chính\ được\ niêm\ yết\ công\ khai / Tổng\ số\ thủ\ tục\ hành\ chính\ phải\ niêm\ yết\ công\ khai) \times 100$

Bước 1: Xác định tổng số thủ tục hành chính phải niêm yết công khai (căn cứ Quyết định công bố thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

Bước 2: Xác định tổng số thủ tục hành chính đã được niêm yết công khai trên thực tế;

Bước 3: Xác định tỷ lệ % theo công thức và tính điểm số của chỉ tiêu này.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Văn phòng - Thống kê

- Tài liệu kiểm chứng: Sổ theo dõi tình hình niêm yết thủ tục hành chính

b) *Nội dung 2*: Thủ tục hành chính được niêm yết công khai kịp thời theo quy định (02 điểm)

- Cách tính điểm: Điều 10 Thông tư số 05/2014/TT-BTP quy định việc niêm yết công khai thủ tục hành chính phải được tổ chức thực hiện kịp thời, đảm bảo thủ tục hành chính được niêm yết đúng ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành; không niêm yết các thủ tục hành chính đã hết hiệu lực thi hành.

+ Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm, công chức được giao theo dõi cần căn cứ vào Quyết định công bố thủ tục hành chính và việc niêm yết công khai thủ tục hành chính thực tế tại địa phương, nếu niêm yết công khai thủ tục hành chính đúng ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành: 02 điểm;

+ Nếu niêm yết công khai thủ tục hành chính trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành: 01 điểm.

+ Nếu niêm yết công khai thủ tục hành chính sau 10 ngày sau kể từ ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành: 0 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Văn phòng - Thống kê

- Tài liệu kiểm chứng: Sổ theo dõi tình hình niêm yết thủ tục hành chính

c) Nội dung 3: Thủ tục hành chính được niêm yết theo đúng quy định (01 điểm)

- Cách tính điểm: Điểm số nội dung này được chấm trên các khía cạnh sau:

+ Trong năm đánh giá cấp xã niêm yết các thủ tục hành chính theo các hình thức quy định (bảng gắn trên tường, bảng trụ xoay, bảng di động...): 0,5 điểm; nếu không thực hiện: 0 điểm;

+ Trong năm đánh giá cấp xã niêm yết các thủ tục hành chính tại địa điểm phù hợp, dễ tiếp cận thì được 0,5 điểm; nếu không thực hiện: 0 điểm;

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Văn phòng - Thống kê

- Tài liệu kiểm chứng: Sổ theo dõi tình hình niêm yết thủ tục hành chính

2.2. Chỉ tiêu 2: Bố trí địa điểm, công chức tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính theo quy định (02 điểm). Chỉ tiêu này có 3 nội dung:

a) Nội dung 1: Đảm bảo diện tích làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (0,5 điểm)

- Cách tính điểm: Khoản 1 Điều 9 Quyết định số

09/2015/QĐ-TTg quy định diện tích làm việc tối thiểu của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã là 40 m² và trong tổng diện tích làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả phải dành khoảng 50% diện tích để bố trí nơi ngồi chờ cho cá nhân, tổ chức đến giao dịch.

+ Nếu đảm bảo diện tích làm việc tối thiểu và diện tích bố trí nơi ngồi chờ cho cá nhân, tổ chức đến giao dịch theo quy định: 0,5 điểm;

+ Nếu không đảm bảo diện tích: 0,25 điểm.

b) *Nội dung 2*: Đảm bảo trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (0,5 điểm)

- Cách tính điểm: Khoản 2 Điều 9 Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg quy định về trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả về trang thiết bị chung và trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại.

+ Nếu trong năm đánh giá, Ủy ban nhân dân cấp xã đảm bảo đầy đủ trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định: 0,5 điểm;

+ Nếu chưa đảm bảo đầy đủ theo quy định: 0,25 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Văn phòng - Thống kê

c) *Nội dung 3*: Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo yêu cầu, trách nhiệm theo quy định (01 điểm)

- Cách tính điểm: Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã là công chức thuộc 07 chức danh công chức cấp xã được quy định tại Luật cán bộ, công chức năm 2008, Điều 10 Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg quy định yêu cầu và trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Trong năm đánh giá, nếu công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo yêu cầu, trách nhiệm theo quy định: 01 điểm.

Chú ý: Trường hợp không bố trí, không đảm bảo về diện tích làm việc, trang thiết bị và yêu cầu, trách nhiệm của công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định thì bị trừ 0,25 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Văn phòng - Thống kê

2.3. Chỉ tiêu 3: Giải quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định (10 điểm)

- Cách tính điểm: $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ lượt\ thủ\ tục\ hành\ chính\ được\ giải\ quyết\ đúng\ trình\ tự,\ thủ\ tục,\ thời\ hạn / Tổng\ số\ lượt\ thủ\ tục\ hành\ chính\ được\ tiếp\ nhận,\ giải\ quyết) \times 100$

Bước 1: Xác định trong tổng số lượt giao dịch thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết trong năm đánh giá;

Bước 2: Xác định tổng số lượt thủ tục hành chính được tiếp nhận và giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn;

Bước 3: Xác định tỷ lệ % theo công thức và tính điểm số của chỉ tiêu này.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ trì phối hợp với Công chức Văn phòng - Thống kê; công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường/công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường

- Tài liệu kiểm chứng: Sổ theo dõi kết quả giải quyết thủ tục hành chính

2.4. Chỉ tiêu 4: Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về giải quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định (02 điểm)

- Cách tính điểm: $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ lượt\ phản\ ánh,\ kiến\ nghị\ được\ giải\ quyết\ đúng\ trình\ tự,\ thủ\ tục\ và\ thời\ hạn / Tổng\ số\ lượt\ phản\ ánh,\ kiến\ nghị\ được\ tiếp\ nhận,\ giải\ quyết) \times 100$

Bước 1: Xác định trong tổng số lượt phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết trong năm đánh giá (bao gồm cả phản ánh, kiến nghị tại cấp xã và phản ánh, kiến nghị từ cơ quan khác chuyển đến có liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính tại địa bàn cấp xã)

Bước 2: Xác định tổng số lượt phản ánh, kiến nghị về giải quyết các thủ tục hành chính được tiếp nhận và giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn.

Bước 3: Xác định tỷ lệ % theo công thức và tính điểm số của chỉ tiêu này.

Chú ý: Nội dung này chỉ đề cập đến các phản ánh kiến nghị về giải quyết các TTHC. Trường hợp trong năm đánh giá không có phản ánh, kiến nghị về giải quyết TTHC trên địa bàn trong năm thì tính điểm tối đa của nội dung này là 02 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Văn phòng - Thống kê

- Tài liệu kiểm chứng: Sổ theo dõi, tiếp nhận và giải quyết các phản ánh, kiến nghị về giải quyết các thủ tục hành chính và các tài liệu liên quan

2.5. Chỉ tiêu 5: Bảo đảm sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính (12 điểm). Chỉ tiêu này có 2 nội dung: Hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (07 điểm) và Hài lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (05 điểm)

- Cách tính điểm: $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ phiếu\ có\ trả\ lời\ hài\ lòng / Tổng\ số\ phiếu\ lấy\ ý\ kiến\ được\ hỏi) \times 100$

Bước 1: Xác định số lượng đối tượng/số lượng Phiếu lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng;

Bước 2: Phát, thu nhận Phiếu lấy ý kiến theo quy định;

Bước 3: Tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng theo hướng dẫn tại Mẫu 03-TCPL-II

Bước 4: Xác định tỷ lệ % theo công thức trên và tính điểm số của chỉ tiêu này.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm: Công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ trì phối hợp với Công chức Văn phòng - Thống kê; công chức Văn hóa - Xã hội; công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường/công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường

- Tài liệu kiểm chứng: Sổ theo dõi kết quả giải quyết thủ tục hành chính

3. Tiêu chí 3: Phổ biến, giáo dục pháp luật (25 điểm). Chỉ tiêu này có 9 chỉ tiêu:

3.1. Chỉ tiêu 1: Công khai văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn (trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước) thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã (02 điểm). Chỉ tiêu này có 2 nội dung:

a) *Nội dung 1:* Thực hiện công khai theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai (01 điểm);

- Cách tính điểm: $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ văn\ bản\ đã\ thực\ hiện\ công\ khai / Tổng\ số\ văn\ bản\ theo\ quy\ định\ hoặc\ theo\ Danh\ mục\ thông\ tin\ phải\ được\ công\ khai) \times 100$

Bước 1: Xác định số văn bản phải được công khai theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai;

Bước 2: Xác định số văn bản đã thực hiện công khai trên thực tế;

Bước 3: Xác định tỷ lệ % theo công thức trên và tính điểm số của chỉ tiêu này.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Tư pháp - Hộ tịch

- Tài liệu kiểm chứng: Danh mục thông tin phải được công khai

b) *Nội dung 2:* Thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng thời điểm, thời hạn, hình thức theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai (01 điểm)

- Cách tính điểm: Điểm số nội dung này được chấm trên các khía cạnh sau:

+ Trong năm đánh giá, cấp xã thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng thời điểm, thời hạn: 0,5 điểm; nếu thực hiện không đúng thời điểm, thời hạn: 0 điểm;

+ Trong năm đánh giá cấp xã thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng hình thức: 0,5 điểm; nếu thực hiện không đúng hình thức: 0 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Tư pháp - Hộ tịch

- Tài liệu kiểm chứng: Sổ theo dõi việc cập nhật, thông tin pháp luật

3.2. Chỉ tiêu 2: Cung cấp đầy đủ thông tin pháp luật thuộc trách nhiệm phải cung cấp của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định (02 điểm)

- Cách tính điểm: $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ thông\ tin\ pháp\ luật\ đã\ cung\ cấp / Tổng\ số\ thông\ tin\ pháp\ luật\ có\ yêu\ cầu\ đủ\ điều\ kiện\ cung\ cấp) \times 100$

Bước 1: Xác định tổng số thông tin pháp luật có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp;

Bước 2: Xác định tổng số thông tin pháp luật đã cung cấp;

Bước 3: Xác định tỷ lệ % theo công thức trên và tính điểm số của chỉ tiêu này.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm: Công chức Văn phòng - Thống kê

3.3. Chỉ tiêu 3: Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan, tổ chức cấp trên (02 điểm)

- Cách tính điểm:

+ Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá cấp xã đã lấy ý kiến Nhân dân đối với tất cả dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên: 02 điểm;

+ Nếu lấy ý kiến Nhân dân đối với một số dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: 01 điểm.

+ Nếu không tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong khi yêu cầu phải lấy ý kiến: 0 điểm.

Chú ý: Trường hợp trong năm đánh giá không được giao nhiệm vụ lấy ý kiến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thì vẫn được điểm tối đa của chỉ tiêu này là 02 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Tư pháp - Hộ tịch

- Tài liệu kiểm chứng: Bảng tổng hợp/Báo cáo kết quả lấy ý kiến Nhân dân hoặc các hình thức tương đương

3.4. Chỉ tiêu 4: Tổ chức quán triệt, phổ biến các văn bản, chính sách pháp luật mới ban hành cho cán bộ, công chức cấp xã (02 điểm)

- Cách tính điểm:

+ Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá cấp xã đã tổ chức quán triệt, phổ biến đầy đủ, kịp thời các văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ, công chức cấp xã bằng hình thức thích hợp: 02 điểm;

+ Nếu tổ chức quán triệt, phổ biến một số văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan

đến thực thi công vụ của cán bộ, công chức cấp xã:
01 điểm;

+ Nếu không tổ chức quán triệt, phổ biến văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ, công chức cấp xã: 0 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Tư pháp - Hộ tịch

- Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo kết quả hội nghị quán triệt, phổ biến...

3.5. Chỉ tiêu 5: Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân trên địa bàn cấp xã bằng hình thức thích hợp (5 điểm). Chỉ tiêu này có 2 nội dung:

a) *Nội dung 1:* Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 hằng năm (0,5 điểm);

- Cách tính điểm:

+ Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 hằng năm: 0,5 điểm;

+ Nếu ban hành sau thời hạn này hoặc không ban hành Kế hoạch: 0 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Tư pháp - Hộ tịch

- Tài liệu kiểm chứng: Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật

b) *Nội dung 2*: Tổ chức thực hiện các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân trên địa bàn cấp xã bằng hình thức phù hợp theo Kế hoạch đề ra (3,5 điểm)

- Cách tính điểm:

+ Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá chính quyền cấp xã tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân trên địa bàn cấp xã bằng hình thức phù hợp theo Kế hoạch: 3,5 điểm;

+ Nếu tổ chức thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời hoặc chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch: 1,5 điểm;

+ Nếu tổ chức thực hiện chưa đầy đủ, chưa kịp thời, chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch: 0,5 điểm.

+ Nếu không tổ chức thực hiện các hoạt động theo Kế hoạch: 0 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm: Công chức Tư pháp - Hộ tịch

- Tài liệu kiểm chứng: Các hoạt động theo Kế hoạch đã được tổ chức, báo cáo kết quả...

3.6. Chỉ tiêu 6: Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù trên

địa bàn thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật (02 điểm). Chi tiêu này có 2 nội dung:

a) *Nội dung 1:* Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù trên địa bàn hoặc lồng ghép nội dung này trong Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm (0,5 điểm)

- Cách tính điểm:

+ Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù trên địa bàn hoặc lồng ghép nội dung này trong Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm: 0,5 điểm.

+ Nếu không ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù hoặc không lồng ghép nội dung này trong Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm: 0 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm: Công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ trì phối hợp với Công chức Văn phòng - Thống kê

- Tài liệu kiểm chứng: Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù, Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật

b) *Nội dung 2:* Tổ chức thực hiện các hoạt động

phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù theo Kế hoạch đề ra (1,5 điểm)

- Cách tính điểm:

+ Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá chính quyền cấp xã tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù theo Kế hoạch đề ra: 1,5 điểm;

+ Nếu tổ chức thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời hoặc chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch: 01 điểm;

+ Nếu tổ chức thực hiện chưa đầy đủ, chưa kịp thời, chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch: 0,5 điểm;

+ Nếu không tổ chức thực hiện các hoạt động theo Kế hoạch: 0 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm: Công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ trì phối hợp với Công chức Văn phòng - Thống kê; công chức Văn hóa - Xã hội

- Tài liệu kiểm chứng: Các hoạt động theo Kế hoạch đã được tổ chức, các báo cáo kết quả...

3.7. Chỉ tiêu 7: Các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật tại cơ sở hoạt động có hiệu quả, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, phổ biến pháp luật của Nhân dân trên địa bàn cấp xã (06 điểm). Chỉ tiêu này có 3 nội dung:

a) *Nội dung 1*: Xây dựng, thực hiện chuyên mục thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật qua mạng lưới phát thanh, truyền thanh của Đài Truyền thanh cấp xã, loa truyền thanh cơ sở (cố định hoặc lưu động) hoặc thiết chế thông tin cơ sở phù hợp theo định kỳ (02 điểm);

- Cách tính điểm:

+ Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá trên địa bàn cấp xã chuyên mục thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật qua mạng lưới phát thanh, truyền thanh của Đài Truyền thanh cấp xã, loa truyền thanh cơ sở được thực hiện hàng tuần và nội dung thiết thực, đa dạng: 02 điểm;

+ Nếu thực hiện hàng tháng và nội dung thiết thực, đa dạng thì được 01 điểm; nếu thực hiện hàng quý và nội dung thiết thực, đa dạng: 0,5 điểm;

+ Nếu không thực hiện chuyên mục thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật qua mạng lưới phát thanh, truyền thanh của Đài Truyền thanh cấp xã, loa truyền thanh cơ sở theo định kỳ và nội dung không thiết thực, đa dạng: 0 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm: Công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ trì phối hợp với Công chức Văn phòng - Thống kê; công chức Văn hóa - Xã hội

- Tài liệu kiểm chứng: Kế hoạch, nội dung chuyên mục đã thực hiện...

b) *Nội dung 2*: Xây dựng, quản lý, khai thác

có hiệu quả Tủ sách pháp luật cấp xã theo quy định (03 điểm);

- Cách tính điểm: Điểm số nội dung này được chấm trên các khía cạnh sau:

+ Bố trí địa điểm thuận tiện, phân công người phụ trách và quản lý, sử dụng Tủ sách theo quy định: 0,5 điểm; nếu không bố trí địa điểm, phân công người phụ trách và quản lý, sử dụng Tủ sách: 0 điểm;

+ Định kỳ thực hiện rà soát, phân loại, bổ sung sách, tài liệu của Tủ sách theo quy định: 0,5 điểm; nếu không thực hiện: 0 điểm;

+ Sử dụng máy tính nối mạng internet, hệ thống cơ sở dữ liệu pháp luật để tra cứu, khai thác văn bản, tài liệu pháp luật cho Tủ sách pháp luật: 01 điểm; nếu không thực hiện: 0 điểm;

+ Thực hiện thông tin, giới thiệu các sách, tài liệu mới, có nội dung thiết thực với Nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn; luân chuyển sách, tài liệu của Tủ sách pháp luật với các mô hình tủ sách tự quản/thư viện/điểm bưu điện - văn hóa để Nhân dân tiếp cận sách, tài liệu được thuận tiện, kịp thời: 0,5 điểm; nếu không thực hiện: 0 điểm;

+ Xây dựng, duy trì một trong các mô hình Tủ sách/ngăn sách/túi sách pháp luật tại cộng đồng dân cư (Tủ sách của thôn, làng; Tủ sách khu nhà trọ; Tủ sách quán cà phê...) trên địa bàn: 0,5 điểm; nếu trên địa bàn cấp xã không có các một trong các mô hình này: 0 điểm

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ trì phối hợp với Công
chức Văn phòng - Thống kê

- Tài liệu kiểm chứng: Các hoạt động đã thực hiện

c) *Nội dung 3*: Khai thác, huy động hỗ trợ mạng
lưới Câu lạc bộ tham gia phổ biến, cung cấp thông tin
pháp luật cho người dân (Câu lạc bộ pháp luật; Câu lạc
bộ phòng, chống tội phạm; Câu lạc bộ nông dân, phụ
nữ, thanh niên, cựu chiến binh hoặc Câu lạc bộ khác)
(01 điểm)

- Cách tính điểm: Điểm số nội dung này được
chấm trên các khía cạnh sau:

+ Hằng năm có định hướng nội dung khai thác,
huy động mạng lưới Câu lạc bộ trong phổ biến, giáo
dục pháp luật: 0,5 điểm; nếu không thực hiện: 0 điểm;

+ Hằng năm có hỗ trợ cho hoạt động của Câu lạc
bộ (kinh phí, tài liệu...), hỗ trợ sinh hoạt pháp luật định
kỳ có hiệu quả, thiết thực: 0,5 điểm; nếu không thực
hiện: 0 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ trì phối hợp với
Công chức Văn phòng - Thống kê; công chức Tài
chính - Kế toán

- Tài liệu kiểm chứng: Văn bản định hướng và
các tài liệu liên quan...

3.8. Chỉ tiêu 8: Tổ chức đối thoại chính sách,

pháp luật theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương (02 điểm)

- Cách tính điểm:

Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại chính sách, pháp luật, lắng nghe ý kiến phản ánh, kiến nghị của Nhân dân địa phương: 02 điểm

Chú ý: Nếu không tổ chức trao đổi, đối thoại theo quy định thì bị trừ 0,25 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm: Công chức Tư pháp - Hộ tịch

- Tài liệu kiểm chứng: Kế hoạch tổ chức, Biên bản cuộc họp đối thoại...

3.9. Chỉ tiêu 9: Bố trí đủ kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định (03 điểm). Chỉ tiêu này có 3 nội dung:

a) *Nội dung 1:* Ngân sách cấp xã hằng năm có bố trí kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (01 điểm),

- Cách tính điểm

Bố trí đủ kinh phí được hiểu là việc thực hiện đúng quy định về định mức, mức chi, nội dung chi để bảo đảm thực hiện có nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch đã được phê duyệt.

+ Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định

trong năm đánh giá trong dự toán ngân sách cấp xã hàng năm có bố trí kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật: 01 điểm;

+ Nếu trong năm đánh giá trong dự toán ngân sách cấp xã hàng năm không bố trí kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật: 0 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm: Công chức Tài chính - Kế toán chủ trì phối hợp với Công chức Tư pháp - Hộ tịch

- Tài liệu kiểm chứng: Dự toán kinh phí được phê duyệt

b) *Nội dung 2*: Định mức kinh phí ngân sách bảo đảm hàng năm (02 điểm)

- Cách tính điểm: $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ kinh\ phí\ được\ cấp / Tổng\ số\ kinh\ phí\ đề\ xuất\ với\ các\ mức\ chi\ và\ nội\ dung\ chi\ theo\ quy\ định\ của\ pháp\ luật\ về\ tài\ chính\ để\ thực\ hiện\ các\ nhiệm\ vụ\ đã\ được\ phê\ duyệt) \times 100$

Bước 1: Xác định tổng số kinh phí đề xuất với các mức chi và nội dung chi theo quy định của pháp luật về tài chính để thực hiện các nhiệm vụ đã được phê duyệt

Bước 2: Xác định tổng số kinh phí được cấp;

Bước 3: Xác định tỷ lệ % theo công thức trên và tính điểm số của chỉ tiêu này

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:

Công chức Tài chính - Kế toán chủ trì phối hợp với
Công chức Tư pháp - Hộ tịch

4. Tiêu chí 4: Hòa giải ở cơ sở gồm 3 chỉ tiêu (10 điểm)

4.1. Chỉ tiêu 1: Thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên; đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở (02 điểm). Chỉ tiêu này có 4 nội dung:

a) *Nội dung 1:* Hướng dẫn thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên (01 điểm),

- Cách tính điểm: Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã đã hướng dẫn thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên: 01 điểm; nếu không thực hiện: 0 điểm.

Chú ý: Trường hợp trong năm đánh giá không thực sự cần thiết thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên thì vẫn tính điểm tối đa của nội dung này là 01 điểm

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm: Công chức Tư pháp - Hộ tịch

- Tài liệu kiểm chứng: Quyết định thành lập, kiện toàn...

b) *Nội dung 2*: Hỗ trợ tài liệu phục vụ hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định (0,5 điểm),

- Cách tính điểm: Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã hỗ trợ tài liệu phục vụ hoạt động hòa giải ở cơ sở cho các cá nhân được khuyến khích tham gia hòa giải ở cơ sở theo quy định: 0,5 điểm; nếu không thực hiện: 0 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm: Công chức Tư pháp - Hộ tịch

- Tài liệu kiểm chứng: Quyết định, Kế hoạch hỗ trợ (nếu có)...

c) *Nội dung 3*: Hướng dẫn, thực hiện các văn bản pháp luật về hòa giải ở cơ sở (0,5 điểm),

- Cách tính điểm: Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã có hướng dẫn, thực hiện các văn bản pháp luật về hòa giải ở cơ sở: 0,5 điểm; nếu không thực hiện: 0 điểm

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm: Công chức Tư pháp - Hộ tịch

- Tài liệu kiểm chứng: Văn bản hướng dẫn (nếu có)...

d) *Nội dung 4*: Hòa giải viên được tham gia bồi dưỡng, tập huấn, cung cấp tài liệu nghiệp vụ hòa giải do cơ quan cấp trên hoặc cấp xã thực hiện (01 điểm)

- Cách tính điểm: Tại thời điểm đánh giá, chấm

điểm xác định trong năm đánh giá hòa giải viên được tham gia bồi dưỡng, tập huấn, cung cấp tài liệu nghiệp vụ hòa giải do cơ quan cấp trên hoặc cấp xã thực hiện: 01 điểm; nếu không thực hiện: 0 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Tư pháp - Hộ tịch

- Tài liệu kiểm chứng: Quyết định, Kế hoạch tổ chức (nếu có)....

4.2. Chỉ tiêu 2: Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải kịp thời theo yêu cầu của các bên (04 điểm). Chỉ tiêu này có 2 nội dung:

a) Nội dung 1: Các vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải được tiếp nhận và thực hiện hòa giải theo quy định (02 điểm),

- Cách tính điểm: $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ vụ,\ việc\ được\ thực\ hiện\ hòa\ giải / Tổng\ số\ vụ,\ việc\ được\ tiếp\ nhận\ thuộc\ phạm\ vi\ hòa\ giải\ theo\ quy\ định) \times 100$

Bước 1: Xác định tổng số vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải được tiếp nhận;

Bước 2: Xác định tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải;

Bước 3: Xác định tỷ lệ % theo công thức trên và tính điểm số của chỉ tiêu này.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Tư pháp - Hộ tịch

- Tài liệu kiểm chứng: Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở

b) *Nội dung 2*: Các vụ, việc hòa giải thành (02 điểm)

- Cách tính điểm: $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ vụ,\ việc\ hòa\ giải\ thành / Tổng\ số\ vụ,\ việc\ được\ thực\ hiện\ hòa\ giải) \times 100$

Bước 1: Xác định tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải (Là Bước 2 của nội dung 1 trên)

Bước 2: Xác định tổng số vụ, việc hòa giải thành;

Bước 3: Xác định tỷ lệ % theo công thức trên và tính điểm số của chỉ tiêu này.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm: Công chức Tư pháp - Hộ tịch

- Tài liệu kiểm chứng: Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở

4.3. Chỉ tiêu 3: Bố trí đủ kinh phí hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định (03 điểm). Chỉ tiêu này có 2 nội dung:

a) *Nội dung 1*: Ngân sách cấp xã hằng năm có bố trí kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở (01 điểm)

- Cách tính điểm:

+ Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá trong dự toán ngân sách cấp xã

hàng năm có bố trí kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở: 01 điểm.

+ Nếu trong năm đánh giá trong dự toán ngân sách cấp xã hàng năm không bố trí kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở: 0 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm: Công chức Tài chính - Kế toán chủ trì phối hợp với Công chức Tư pháp - Hộ tịch

- Tài liệu kiểm chứng: Dự toán kinh phí được phê duyệt...

b) Nội dung 2: Hỗ trợ kinh phí cho tổ hòa giải và hòa giải viên (02 điểm)

- Cách tính điểm: Điều 13 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP quy định nội dung hỗ trợ kinh phí cho tổ hòa giải và hòa giải viên như sau: (1) Chi hỗ trợ để mua văn phòng phẩm; mua, sao chụp tài liệu phục vụ hoạt động của tổ hòa giải; tổ chức các cuộc họp, sơ kết, tổng kết hoạt động của tổ hòa giải và (2) Chi thù lao cho hòa giải viên theo vụ, việc; chi hỗ trợ cho hòa giải viên khi gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải.

Khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP quy định về nội dung chi hỗ trợ cho hòa giải viên và tổ hòa giải bao gồm: (1) Chi thù lao cho hòa giải viên theo vụ, việc; (2) Chi hỗ trợ cho hòa giải viên khi gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải và (3)

Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải gồm: chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải. Mức chi cho các hoạt động trên thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP và các văn bản pháp luật có liên quan và trên cơ sở phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương đối với nội dung (1) và (2).

Điểm số nội dung này được chấm trên các khía cạnh sau:

+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải (01 điểm): Theo đó, chính quyền cấp xã hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải theo đúng định mức quy định: 01 điểm; nếu hỗ trợ theo định mức thấp hơn định mức quy định: 0,5 điểm.

+ Chi thù lao hòa giải viên theo vụ, việc (01 điểm): Theo đó, chính quyền cấp xã chi thù lao hòa giải viên cho tất cả vụ, việc hòa giải theo đúng định mức quy định: 01 điểm; nếu chi thù lao hòa giải viên cho một số vụ, việc hòa giải hoặc chi thù lao với định mức thấp hơn định mức quy định: 0,5 điểm.

Chú ý: Trường hợp không bố trí kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải, chi thù lao hòa giải viên theo vụ, việc thì bị trừ 0,25 điểm.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Tài chính - Kế toán chủ trì phối hợp với
Công chức Tư pháp - Hộ tịch

- Tài liệu kiểm chứng: Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở

5. Tiêu chí 5: Thực hiện dân chủ ở cơ sở (20 điểm) gồm 5 chỉ tiêu

5.1. Chỉ tiêu 1: Công khai, minh bạch các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở, trừ các thông tin quy định tại chỉ tiêu 1 của tiêu chí 2 và chỉ tiêu 1 của tiêu chí 3 (04 điểm)

- Cách tính điểm: *Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã công khai/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định phải công khai để dân biết phát sinh trên thực tế) x 100*

Bước 1: Xác định tổng số nội dung mà pháp luật quy định phải công khai để dân biết phát sinh trên thực tế;

Bước 2: Xác định tổng số nội dung đã công khai trong tổng số nội dung đã phát sinh;

Bước 3: Xác định tỷ lệ % theo công thức trên và tính điểm số của chỉ tiêu này

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm: Công chức Văn phòng - Thống kê

- Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo, biên bản họp...

5.2. Chỉ tiêu 2: Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở (04 điểm)

- Cách tính điểm: *Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã*

được cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, quyết định trực tiếp/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định cử tri hoặc đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp phát sinh trên thực tế) x 100

Bước 1: Xác định tổng số nội dung mà pháp luật quy định cử tri hoặc đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp phát sinh trên thực tế;

Bước 2: Xác định tổng số nội dung đã được cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, quyết định trực tiếp trong tổng số nội dung đã phát sinh;

Bước 3: Xác định tỷ lệ % theo công thức trên và tính điểm số của chỉ tiêu này.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Văn phòng - Thống kê

- Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo, biên bản họp

5.3. Chỉ tiêu 3: Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở (04 điểm)

- Cách tính điểm: *Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, biểu quyết/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định phát sinh trên thực tế) x 100*

Bước 1: Xác định tổng số nội dung mà pháp luật quy định cử tri hoặc đại diện hộ gia đình được bàn,

biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định phát sinh trên thực tế;

Bước 2: Xác định tổng số nội dung đã được cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, biểu quyết trong tổng số nội dung đã phát sinh;

Bước 3: Xác định tỷ lệ % theo công thức trên và tính điểm số của chỉ tiêu này.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm: Công chức Văn phòng - Thống kê

- Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo, biên bản họp...

5.4. Chỉ tiêu 4: Nhân dân được tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở (04 điểm)

- Cách tính điểm: $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ nội\ dung\ đã\ được\ Nhân\ dân\ tham\ gia\ ý\ kiến / Tổng\ số\ nội\ dung\ mà\ pháp\ luật\ quy\ định\ phải\ lấy\ ý\ kiến\ Nhân\ dân\ phát\ sinh\ trên\ thực\ tế) \times 100$

Bước 1: Xác định tổng số nội dung mà pháp luật quy định phải lấy ý kiến Nhân dân phát sinh trên thực tế;

Bước 2: Xác định tổng số nội dung đã được Nhân dân tham gia ý kiến trong tổng số nội dung đã phát sinh;

Bước 3: Xác định tỷ lệ % theo công thức trên và tính điểm số của chỉ tiêu này.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Văn phòng - Thống kê

- Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo, biên bản họp...

5.5. Chỉ tiêu 5: Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở (04 điểm)

- Cách tính điểm: *Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được giám sát/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định Nhân dân thực hiện giám sát trực tiếp và thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng phát sinh trên thực tế) x 100*

Bước 1: Xác định tổng số nội dung mà pháp luật quy định Nhân dân thực hiện giám sát trực tiếp và thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng phát sinh trên thực tế;

Bước 2: Xác định tổng số nội dung đã được Nhân dân thực hiện giám sát trực tiếp và thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng trong tổng số nội dung đã phát sinh;

Bước 3: Xác định tỷ lệ % theo công thức trên và tính điểm số của chỉ tiêu này.

- Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm:
Công chức Văn phòng - Thống kê

- Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo, biên bản họp...

*** Hướng dẫn cụ thể cách tính điểm số theo tỷ lệ phần trăm (%) và cách làm tròn điểm số thập phân của từng chỉ tiêu**

1. Đối với chỉ tiêu xác định theo tỷ lệ phần trăm (%), điểm số tính như sau:

Số điểm của chỉ tiêu = (Tỷ lệ % đạt được x Số điểm tối đa của chỉ tiêu)/100

Ví dụ:

- Tỷ lệ % đạt được của chỉ tiêu: 83,33%;

- Số điểm tối đa của chỉ tiêu: 05 điểm;

- Số điểm của chỉ tiêu (chưa làm tròn) = $(83,33 \times 5)/100 = 4,4165$ điểm.

2. Đối với việc làm tròn điểm số của từng chỉ tiêu và làm tròn tổng số điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật:

a) Điểm số của từng chỉ tiêu được lấy đến hai chữ số thập phân:

Ví dụ: Số điểm của chỉ tiêu (chưa làm tròn) là 4,4165 điểm thì số điểm của chỉ tiêu sau khi đã làm tròn là 4,42 điểm.

b) Sau khi cộng điểm của tất cả các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, nếu tổng số điểm có giá trị thập phân dưới 0,5 điểm thì làm tròn xuống, nếu có giá trị thập phân từ 0,5 điểm trở lên thì làm tròn lên:

Ví dụ:

- Tổng số điểm của các chỉ tiêu từ 89,01 đến 89,49 làm tròn là 89 điểm.

- Tổng số điểm của các chỉ tiêu từ 75,5 đến 75,99 làm tròn là 76 điểm.

B - ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

I. ĐIỀU KIỆN, THẨM QUYỀN CÔNG NHẬN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Điều 6 Quyết định số 619/QĐ-TTg xác định xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi đáp ứng đủ 04 điều kiện như sau:

1.1. Không có tiêu chí nào dưới 50% số điểm tối đa. Như vậy, để đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, các tiêu chí cần phải đạt số điểm như sau:

- Tiêu chí 1. Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật: đạt 7,5 điểm trở lên.

- Tiêu chí 2. Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã: đạt 15 điểm trở lên

- Tiêu chí 3. Phổ biến, giáo dục pháp luật: đạt từ 12,5 điểm trở lên

- Tiêu chí 4. Hòa giải ở cơ sở: đạt từ 5 điểm trở lên

- Tiêu chí 5. Thực hiện dân chủ ở cơ sở: đạt từ 10 điểm trở lên

Trong trường hợp một hoặc một số chỉ tiêu của tiêu chí đạt dưới 50% số điểm tối đa, nhưng số điểm của cả tiêu chí đó không dưới 50% số điểm tối đa thì vẫn đáp ứng điều kiện này.

1.2. Tổng số điểm của các tiêu chí tiếp cận pháp luật phải đạt mức điểm chuẩn cụ thể như sau:

- Cấp xã loại I: đạt từ 90% số điểm tối đa trở lên (≥ 90 điểm)

- Cấp xã loại II: đạt từ 80% số điểm tối đa trở lên (≥ 80 điểm)

- Cấp xã loại III: đạt từ 70% số điểm tối đa trở lên (≥ 70 điểm)

Việc phân loại cấp xã loại I, loại II, loại III được thực hiện theo Nghị quyết số 12/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

1.3. Kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính (Chỉ tiêu 5 thuộc Tiêu chí 2) đạt từ 80% số điểm tối đa trở lên.

1.4. Trong năm không có cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ cảnh cáo trở lên do vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ hoặc phải

bồi thường thiệt hại do hành vi công vụ trái pháp luật gây ra.

- Hành vi vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ là hành vi không thực hiện hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn không đúng quy định của pháp luật trong quá trình thực thi công vụ. Ví dụ: Xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt không đúng thẩm quyền....

- Hành vi công vụ trái pháp luật gây ra thiệt hại phải bồi thường được xác định trong quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

2. Thẩm quyền công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện).

II. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Thời hạn để rà soát, đánh giá, chấm điểm, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Việc rà soát, đánh giá, chấm điểm, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được tiến hành hằng năm, tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12.

Quy định này đảm bảo phù hợp với các quy định về thời điểm số liệu báo cáo, thống kê, tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương tổng hợp thông tin, số liệu được thuận lợi. Tuy nhiên, thực hiện theo thời hạn trên, thời gian để cấp xã tiến hành tổng hợp, chấm điểm tương đối ngắn (hoàn thành trước 05/01 của năm liền kề sau năm đánh giá). Để bảo đảm đánh giá, chấm điểm thực hiện đúng thời hạn, tiến độ, tránh dồn việc vào công chức Tư pháp - Hộ tịch, hàng năm, công chức Tư pháp - Hộ tịch có thể tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể cho các công chức cấp xã theo dõi, chấm điểm và đề xuất các giải pháp thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật; thời hạn, tiến độ đánh giá, chấm điểm tiếp cận pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã

2.1. Bước 1: Công chức cấp xã được giao theo

đôi các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật có trách nhiệm tự chấm điểm, gửi kết quả đến công chức Tư pháp - Hộ tịch theo yêu cầu và tiến độ được phê duyệt tại Kế hoạch.

Việc theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu được thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt năm đánh giá. Việc rà soát, tự chấm điểm của công chức cấp xã được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật nên hoàn thành và gửi kết quả đến công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã trước ngày 31 tháng 12 năm đánh giá để đảm bảo đủ thời gian thực hiện các bước tiếp theo đúng tiến độ.

2.2. Bước 2: Công chức Tư pháp - Hộ tịch tổng hợp kết quả vào Bảng chấm điểm các tiêu chí tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở (Mẫu 01-TCPL-II). Sau khi tổng hợp kết quả tự chấm điểm, công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ trì, phối hợp với các công chức được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật xây dựng dự thảo Báo cáo tự đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn xã, phường (Mẫu 05 -TCPL-II) và đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

2.3. Bước 3: Họp đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm

tổ chức họp đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Thành phần cuộc họp: Chủ trì cuộc họp là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không thể tham dự, thì cử một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì cuộc họp. Thành phần cuộc họp gồm: đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, công chức Tư pháp - Hộ tịch, các công chức cấp xã khác được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật (*Trưởng Công an, Văn phòng - thống kê, Địa chính, Tài chính - kế toán, Văn hóa - xã hội*).

- Nội dung cuộc họp: Công chức Tư pháp - Hộ tịch trình bày báo cáo tự đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Các thành viên tham dự cuộc họp cho ý kiến về kết quả tự chấm điểm các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật. Các công chức cấp xã được giao theo dõi các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật giải trình về kết quả theo dõi, tự chấm điểm về các chỉ tiêu, tiêu chí, đề xuất các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, cải thiện điều kiện tiếp cận pháp luật của người dân trên địa bàn. Sau đó, chủ trì cuộc họp kết luận.

2.4. Bước 4: Trên cơ sở kết quả đánh giá, nếu đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo công chức

Tư pháp - Hồ tịch lập 01 bộ hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đến Phòng Tư pháp cấp huyện.

Hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bao gồm:

a) Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu 04 -TCPL-II);

b) Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm (Mẫu 01-TCPL-II);

c) Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân (Mẫu 03 -TCPL-II);

d) Công văn đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đối với trường hợp tự xét thấy đủ điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 05 -TCPL-II);

đ) Tài liệu khác (nếu có) như: Báo cáo, Kế hoạch, thông báo, quyết định...được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để xác định, chứng minh mức độ tin cậy của việc đánh giá, tự chấm điểm từng chỉ tiêu, tiêu chí.

Trường hợp địa phương tự đánh giá và xét thấy không đủ điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì vẫn lập 01 bộ Hồ sơ tiếp cận pháp luật của cấp xã, chỉ bao gồm tài liệu nêu tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm đ. Trong báo cáo tự đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận

pháp luật phải nêu rõ lý do và đề xuất các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, cải thiện điều kiện tiếp cận pháp luật của người dân trên địa bàn.

2.5. Bước 5: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ gửi Phòng Tư pháp cấp huyện

Việc thực hiện trình tự, thủ tục rà soát, tự đánh giá và gửi hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã chuẩn tiếp cận pháp luật phải hoàn thành ***trước ngày 05/01 của năm liền kế sau năm đánh giá.***

3. Trình tự, thủ tục xem xét, công nhận xã, phường thị, trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp huyện

3.1. Bước 1: Phòng Tư pháp thẩm tra hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

- Trưởng phòng Tư pháp cử công chức tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ tiếp cận pháp luật của cấp xã. Trường hợp hồ sơ chưa có đủ các tài liệu theo quy định, công chức Phòng Tư pháp được phân công tiếp nhận hồ sơ báo ngay cho công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã để kịp thời bổ sung.

- Phòng Tư pháp có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ. Trong quá trình thẩm tra hồ sơ, nếu xét thấy cần thiết, Phòng Tư pháp đề nghị cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân quận, huyện phối hợp thẩm tra, cho ý kiến liên quan đến lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

Trong quá trình thẩm tra hồ sơ, nếu thấy hồ sơ có nội dung chưa rõ, Phòng Tư pháp đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bổ sung, làm rõ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu.

- Căn cứ vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị công nhận tiếp cận pháp luật của cấp xã, Phòng Tư pháp thực hiện những công việc sau đây:

+ Tổng hợp, lập dự thảo danh sách xã, phường, thị trấn đủ điều kiện được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 07 -TCPL-II) và danh sách xã, phường, thị trấn chưa đủ điều kiện được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 08 -TCPL-II).

+ Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật để xem xét, đánh giá địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

3.2. Bước 2: Hội đồng tiếp đánh giá tiếp cận pháp luật họp để xem xét, tư vấn đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

3.3. Bước 3: Căn cứ kết quả họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật, Phòng Tư pháp cấp huyện hoàn thiện danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và đề xuất các giải pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân

cùng cấp *trước ngày 20 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá.*

3.4. Bước 4: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật *trước ngày 25 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá*; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) kết quả công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và các giải pháp đối với cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

4. Niêm yết kết quả đánh giá, công bố cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

4.1. Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết công khai kết quả chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật tại trụ sở làm việc, nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt cộng đồng của thôn, làng, ấp, bản, phum, sóc, tổ dân phố và cộng đồng dân cư khác và thông báo trên đài, loa truyền thanh cơ sở trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc tự chấm điểm.

Kết quả chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật dùng để niêm yết là kết quả tổng hợp sau cuộc họp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì đánh giá kết quả xây dựng cấp xã tiếp cận pháp luật và đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký, gửi Phòng Tư pháp.

4.2. Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp

xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Cổng/Trang tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công nhận.

4.3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Cổng/Trang tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Quy trình đánh giá, chấm điểm, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Các bước quy trình	Nội dung	Thời gian	Người thực hiện
	CẤP XÃ		
Bước 1	Theo dõi, tự chấm điểm từng chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm đánh giá	Các công chức cấp xã được giao theo dõi chỉ tiêu, tiêu chí
Bước 2	- Tổng hợp kết quả tự chấm điểm - Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân;	02 ngày	Công chức Tư pháp - Hộ tịch

Các bước quy trình	Nội dung	Thời gian	Người thực hiện
	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng dự thảo Báo cáo tự đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn xã, phường - Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật 		
Bước 3	Tổ chức họp đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.	01 ngày	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã
Bước 4	<p>Lập hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm; + Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân; + Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp xã; 	1/2 ngày	Công chức tư pháp hộ tịch
	+ Công văn đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đối với trường hợp tự xét thấy đủ điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.		

Các bước quy trình	Nội dung	Thời gian	Người thực hiện
Bước 5	Chỉnh lý, ký duyệt để gửi Hồ sơ đến Phòng tư pháp cấp huyện	1/2 ngày <i>(trước 05 tháng 01)</i>	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã
	Niêm yết kết quả tự chấm điểm	10 ngày	
CẤP HUYỆN			
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Tổ chức thẩm tra hồ sơ tiếp cận pháp luật của cấp xã - Đề nghị cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp thẩm tra, cho ý kiến liên quan đến lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý (nếu cần thiết) - Tổng hợp, lập dự thảo danh sách xã, phường, thị trấn đủ điều kiện được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và danh sách xã, phường, thị trấn chưa đủ điều kiện được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật 	10 ngày	Phòng Tư pháp chủ trì, cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp
	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật 		

Các bước quy trình	Nội dung	Thời gian	Người thực hiện
	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giải trình, bổ sung hồ sơ (nếu cần thiết)	5 ngày	- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã
Bước 2	Tổ chức họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật	01 ngày (<i>Trước ngày 20/01</i>)	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật - Hoàn thiện dự thảo báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và các giải pháp đối với cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn. - Xây dựng dự thảo Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật 	03 ngày	Phòng Tư pháp
Bước 4	Xem xét, ký Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	02 ngày (<i>Trước ngày 25/01</i>)	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

Các bước quy trình	Nội dung	Thời gian	Người thực hiện
	kết quả công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và các giải pháp đối với cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.		
	Đăng tải danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Cổng/Trang tin điện tử của địa phương	Chậm nhất 05 ngày kể từ ngày ký quyết định công nhận	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện
CẤP TỈNH	Đăng tải danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Cổng/Trang tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Chậm nhất 05 ngày kể từ ngày nhận	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
	Chỉ đạo, quyết định giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hàng năm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trên địa bàn.	được Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã	

C - HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Thẩm quyền thành lập Hội đồng

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật đề tư vấn, giúp Chủ tịch tổ chức việc đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật gồm một lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch; Trưởng phòng Tư pháp làm Phó Chủ tịch.

Phòng Tư pháp tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật.

Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật chỉ được thành lập ở cấp huyện chứ không thành lập ở cấp xã, cấp tỉnh và ở Bộ Tư pháp như trước đây do việc đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật chỉ thực hiện ở cấp xã.

Sau khi được thành lập, Hội đồng cần ban hành Quy chế hoạt động, trong đó quy định nguyên tắc, phương thức hoạt động của Hội đồng, trách nhiệm của thành viên Hội đồng, hoạt động của Hội đồng và kinh phí bảo đảm. Tất cả các thành viên Hội đồng và các cơ quan, tổ chức có liên quan sẽ chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Thành phần:

Để thành lập được Hội đồng đánh giá tiếp cận

pháp luật, Phòng Tư pháp phải tham mưu, đề xuất thành viên Hội đồng với số lượng thành viên Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định, nhưng tối đa không quá 15 người, bao gồm:

2.1. *Chủ tịch Hội đồng*: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

2.2. *Phó Chủ tịch Hội đồng*: Trưởng phòng Tư pháp;

2.3. *Ủy viên Hội đồng*: Đại diện lãnh đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan đến các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật, Công an cấp huyện, Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, Văn phòng Điều phối nông thôn mới (nếu có);

2.4. *Thư ký Hội đồng*: 01 công chức Phòng Tư pháp.

Trên cơ sở danh sách cử cán bộ tham dự thành viên Hội đồng của các cơ quan, tổ chức nêu trên, Phòng Tư pháp xây dựng Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký ban hành.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn

3.1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

Hội đồng có chức năng tư vấn, tham mưu giúp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ:

a) Xem xét, đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

b) Trao đổi, đề xuất sáng kiến, giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và việc thực hiện các sáng kiến, giải pháp đó trong phạm vi địa phương nhằm duy trì bền vững kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí đối với xã đạt chuẩn, đồng thời có giải pháp khắc phục hạn chế và hướng đi phù hợp cho những xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

3.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng

Thành viên Hội đồng bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Mỗi thành viên với vị trí vai trò khác nhau, nhưng cùng phối hợp, đề cao trách nhiệm trong hoạt động đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

a) Nhiệm vụ của Ủy viên Hội đồng:

- Tư vấn, tham gia ý kiến về kết quả đánh giá và đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lĩnh vực được giao quản lý. Ý kiến của Ủy viên Hội đồng là ý kiến của cơ quan, tổ chức nơi công tác;

- Đề xuất sáng kiến, giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và tư vấn, tổ chức thực hiện sáng kiến, giải pháp đó;

- Tham dự đầy đủ cuộc họp Hội đồng. Trong trường hợp không thể tham dự cuộc họp mà có lý do chính đáng thì phải gửi ý kiến bằng văn bản về các nội dung cần xin ý kiến nêu trên để Phòng Tư pháp tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng.

b) Nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng:

Bên cạnh các nhiệm vụ của Ủy viên Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo, điều phối hoạt động chung của Hội đồng, cụ thể như sau:

- Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng; tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của Hội đồng.

- Chỉ đạo, điều phối chung hoạt động của Hội đồng; phân công nhiệm vụ cho Phó Chủ tịch và các Ủy viên Hội đồng.

- Triệu tập, chủ trì các phiên họp của Hội đồng; quyết định việc lấy ý kiến của các thành viên Hội

đồng; kết luận về nội dung thảo luận tại các phiên họp Hội đồng.

- Ký văn bản thuộc nhiệm vụ của Hội đồng; duy trì mối quan hệ thường xuyên giữa các thành viên Hội đồng; thay mặt Hội đồng làm việc với các cơ quan tổ chức có liên quan.

- Tổ chức việc quản lý, sử dụng kinh phí, phương tiện phục vụ cho hoạt động của Hội đồng theo quy định của pháp luật.

c) Nhiệm vụ của Phó Chủ tịch Hội đồng:

Bên cạnh các nhiệm vụ của Ủy viên Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng còn có các nhiệm vụ sau:

- Chủ trì cuộc họp và thực hiện các công việc do Chủ tịch Hội đồng ủy quyền khi vắng mặt.

- Là thường trực Hội đồng, có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu cuộc họp theo quy định gửi thành viên Hội đồng;

- Căn cứ kết luận của Hội đồng, chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tổng hợp đề xuất của thành viên Hội đồng để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định; tham mưu để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

d) Nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng:

Bên cạnh các nhiệm vụ của Ủy viên Hội đồng, Thư ký Hội đồng còn có các nhiệm vụ sau:

- Giúp Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và tổ chức các phiên họp của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật.

- Lập biên bản, báo cáo tổng hợp các ý kiến, kiến nghị trong các phiên họp của Hội đồng, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực về nội dung biên bản các phiên họp của Hội đồng.

4. Phiên họp Hội đồng

Hội đồng thực hiện nhiệm vụ của mình thông qua phiên họp toàn thể thành viên. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số bằng hình thức biểu quyết hoặc phiếu lấy ý kiến. Cuộc họp Hội đồng được tiến hành khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham dự. Tại cuộc họp, Phó Chủ tịch Hội đồng báo cáo về các nội dung cần xin ý kiến Hội đồng.

Các thành viên Hội đồng thảo luận, trình bày ý kiến, tư vấn về kết quả đánh giá và đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề xuất sáng kiến, giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Sau khi thảo luận, Hội đồng cho ý kiến về kết quả công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thông qua biểu quyết

hoặc phiếu lấy ý kiến. Kết quả cuộc họp được lập thành biên bản có chữ ký xác nhận của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng theo mẫu Mẫu 06 -TCPL-II. Ý kiến của thành viên Hội đồng phải được tổng hợp đầy đủ, khách quan, trung thực trong biên bản cuộc họp.

5. Quan hệ công tác giữa Hội đồng, thành viên Hội đồng với Phòng Tư pháp cấp huyện

5.1. Bảo đảm sự phối hợp, trao đổi thông tin thông suốt giữa Ủy viên Hội đồng với Phòng Tư pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

5.2. Phòng Tư pháp là cơ quan thường trực Hội đồng có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu cuộc họp theo quy định gửi thành viên Hội đồng chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc họp Hội đồng; tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu cho Hội đồng về các nội dung cần yêu cầu giải trình, bổ sung làm rõ;

5.3. Căn cứ kết luận của Hội đồng, Phòng Tư pháp hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tổng hợp đề xuất của thành viên Hội đồng để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định; tham mưu để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

6. Kinh phí hoạt động của Hội đồng

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bảo đảm kinh phí, các điều kiện cần thiết để Hội đồng thực hiện các hoạt động phục vụ cho nhiệm vụ đánh giá, công nhận xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở. Theo đó, kinh phí được sử dụng cho các hoạt động như: tổ chức các cuộc họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật, báo cáo đánh giá, công nhận kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, chi văn phòng phẩm...

D - QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Nội dung xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Nội dung quản lý nhà nước về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bao gồm:

- 1.1. Xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật;

chương trình, kế hoạch triển khai, thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

1.2. Tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, chính quyền các cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân về vị trí, vai trò, ý nghĩa của xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

1.3. Rà soát, đánh giá việc thực hiện tiêu chí tiếp cận pháp luật; công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề ra giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, cải thiện khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở.

1.4. Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

1.5. Lồng ghép xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong chương trình, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và xóa đói, giảm nghèo.

1.6. Sơ kết, tổng kết, thống kê, báo cáo, theo dõi kết quả, kiểm tra, khen thưởng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Đây là những nhiệm vụ mà Thủ tướng Chính phủ

giao Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện trong quá trình quản lý nhà nước về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

- Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo, hướng dẫn triển khai xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định 619/QĐ-TTg tại địa phương, phân công cơ quan chuyên môn và công chức làm đầu mối theo dõi, tham mưu thực hiện; bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; định kỳ, đột xuất báo cáo kết quả với cơ quan có thẩm quyền.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong phạm vi quản lý; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương về Bộ Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định 619/QĐ-TTg. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, hướng dẫn công chức chuyên môn triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao; chỉ đạo Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả việc xử lý, tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

- Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp
- Hộ tịch là đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Quy định này.

3. Kinh phí xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Kinh phí bảo đảm cho nhiệm vụ quản lý nhà nước về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được cấp từ các nguồn sau:

- Được bảo đảm, bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hàng năm của các cơ quan, tổ chức liên quan và các địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn kinh phí này bảo đảm cho các hoạt động quản lý nhà nước như: chỉ đạo, điều hành, tập huấn, kiểm tra, khảo sát,... Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ưu tiên bố trí kinh phí để hỗ trợ cấp xã còn nhiều chỉ tiêu, tiêu chí chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- Từ nguồn xã hội hóa hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân. Nguồn kinh phí này có thể sử dụng cho hoạt động quản lý nhà nước hoặc hỗ trợ trực tiếp đến hoạt động xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật như: cấp phát tài liệu, hỗ trợ mô hình điểm xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật...

- Các cơ quan Tư pháp (Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch) tham mưu xây dựng dự toán kinh phí xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện, thanh quyết toán. Bên cạnh đó, hằng năm, trên cơ sở rà soát nhiệm vụ thực hiện tiêu chí xã tiếp cận pháp luật trong xây dựng nông thôn mới, các cơ quan Tư pháp đề xuất kinh phí với cơ quan chủ trì nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (văn phòng điều phối nông thôn mới) để bổ sung kinh phí cho thực hiện nhiệm vụ.

E - XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT TRONG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI

1. Giới thiệu chung

Ngày 16/8/2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 1600/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; ngày 17/10/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1980/QĐ-TTg về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020. Theo đó, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 gồm 5 nhóm tiêu chí, 19 tiêu chí, 49 chỉ tiêu, cụ thể:

- Nhóm tiêu chí quy hoạch gồm tiêu chí quy hoạch với 02 chỉ tiêu;

- Nhóm tiêu chí hạ tầng kinh tế - xã hội gồm 08

tiêu chí: Giao thông; Thủy lợi; Điện; Trường học; Cơ sở vật chất văn hóa; Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; Thông tin và Truyền thông; Nhà ở và dân cư với 19 chỉ tiêu;

- Nhóm tiêu chí kinh tế và tổ chức sản xuất gồm 04 tiêu chí: Thu nhập; Hộ nghèo; Lao động có việc làm và Tổ chức sản xuất với 05 chỉ tiêu;

- Nhóm tiêu chí văn hóa - xã hội - môi trường gồm 04 tiêu chí: Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Văn hóa; Môi trường và An toàn thực phẩm với 15 chỉ tiêu;

- Nhóm tiêu chí hệ thống chính trị gồm 02 tiêu chí: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; Quốc phòng và An ninh với 08 chỉ tiêu, trong đó nội dung tiếp cận pháp luật là chỉ tiêu số 5 của tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: *“18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định”*.

Như vậy, lần đầu tiên chuẩn tiếp cận pháp luật được xác định và trở thành một trong nội dung của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020. Đặt trong tổng thể với xây dựng nông thôn mới, việc thực hiện nhiệm vụ này có ý nghĩa hết sức quan trọng.

2. Biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới

2.1. Thực hiện quán triệt, phổ biến, truyền thông

để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nói chung, xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nói riêng

Căn cứ vào điều kiện thực tiễn của mỗi địa phương, hoạt động quán triệt, phổ biến, thông tin, truyền thông có thể thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: tổ chức các chương trình, phóng sự truyền thông trên Đài Phát thanh, Truyền hình; mở chuyên mục, đăng tải tin, bài trên các báo viết, báo điện tử, trang tin điện tử hoặc các hình thức phù hợp khác như: lồng ghép trong các hội nghị, hội thảo, tập huấn...

2.2. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động xác định nội dung công việc cần triển khai, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng đầu mối thực hiện: Bám sát nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg, Quyết định số 1980/QĐ-TTg, Quyết định số 619/QĐ-TTg, Thông tư số 07/2017/TT-BTP và các văn bản có liên quan, căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp cần xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận gắn với xây dựng nông thôn mới, trong đó xác định các nhiệm vụ/hoạt động cần triển khai, phân công đầu mối, giao nhiệm vụ cho cơ quan chuyên môn, công

chức đầu mối tham mưu việc đạo, hướng dẫn, theo dõi, quy định các điều kiện cần thiết (về nhân lực, cơ sở vật chất, kinh phí)....

2.3. Kiện toàn, nâng cao năng lực nghiệp vụ cho đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Sau khi rà soát, bổ sung nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và việc thực hiện chỉ tiêu “xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trong Quyết định của Ủy ban nhân dân quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan tư pháp địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp cần kiện toàn, bố trí công chức quản lý và công chức trực tiếp thực hiện nhiệm vụ này để đảm bảo nguồn lực tham mưu thực hiện tốt nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp quản lý nhà nước về xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận gắn với xây dựng xã nông thôn mới.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và điều kiện thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ đánh giá, chấm điểm các tiêu chí tiếp cận pháp luật và công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, xã đạt chuẩn nông thôn mới cho đội ngũ cán

bộ, công chức được giao theo dõi, triển khai đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

2.4. Bố trí kinh phí triển khai nhiệm vụ được giao

Kinh phí xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được bảo đảm, bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hàng năm của các cơ quan, tổ chức liên quan và các địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ưu tiên bố trí kinh phí để hỗ trợ cấp xã còn nhiều chỉ tiêu, tiêu chí chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành. Ngoài ra, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Đối với các xã thực hiện xét công nhận, xây dựng nông thôn mới thì nguồn kinh phí cho nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được cấp chung trong tổng thể nguồn vốn triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới. Sở Tư pháp phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân và Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh cấp kinh phí tổ chức triển khai thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật và xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong tổng thể kinh phí xây dựng nông thôn mới để Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ để làm căn cứ chỉ đạo, điều hành cụ thể.

2.5. Tổ chức kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá thực tiễn thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo chức năng, nhiệm vụ được giao gắn với xây dựng nông thôn mới

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân cấp các cấp tổ chức kiểm tra, giám sát và tổ chức sơ kết, tổng kết nhằm đánh giá kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ đối với Ủy ban nhân dân cấp dưới để kịp thời phát hiện những vướng mắc, bất cập, vấn đề mới phát sinh, từ đó có giải pháp khắc phục; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoàn thiện thể chế, chính sách về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, đảm bảo gắn kết, thống nhất, đồng bộ với các chủ trương, chính sách về xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới.

2.6. Hướng dẫn việc sử dụng kết quả đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật để đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới.

UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành Công văn số 98/UBND-NC ngày 22/01/2018 về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Công văn số 1732/UBND-NC ngày 16/10/2018 về việc xác thời điểm đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và việc sử dụng kết quả xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật để đánh giá xã đạt nông thôn mới. Theo đó, hướng dẫn việc sử

dụng kết quả đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật để đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể:

- Trong trường hợp việc đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới được tổ chức đồng thời với đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì sử dụng kết quả đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của năm đánh giá để xét, đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới.

- Trong trường hợp việc đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới được tổ chức trước thời điểm đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì sử dụng kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của năm trước liền kề năm đánh giá. Trong trường hợp kết quả năm trước liền kề chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì thực hiện đánh giá cùng thời điểm với đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới. Việc lấy kết quả đánh giá của năm trước liền kề hoặc thực hiện đánh giá chuẩn tiếp cận cùng thời điểm với đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới phải tuân thủ quy định tại Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

PHỤ LỤC I
HƯỚNG DẪN CÁC BIỂU MẪU CHẤM ĐIỂM,
ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT
CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Bảng tổng hợp kết quả tự chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN).... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày... tháng... năm...

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC CHỈ TIÊU, TIÊU CHÍ TỰ CHẤM ĐIỂM

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Điểm số đánh giá	Ghi chú	Chữ ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tiêu chí 1	Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật	15			
Chỉ tiêu 1	4			
1. Nội dung 1	1			
2. Nội dung 2	1			
3. Nội dung 3	2			
Chỉ tiêu 2	6			
1. Nội dung 1	1			
2. Nội dung 2	2			
3. Nội dung 3	3			
.....			

.....			
Tiêu chí 5	Thực hiện dân chủ ở cơ sở	20			
Chỉ tiêu 1	4			
Chỉ tiêu 2	4			
.....				
Tổng điểm		100			

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên) *(Ký và ghi rõ họ tên)*

- (2) Ghi rõ nội dung tiêu chí, chỉ tiêu và nội dung cụ thể của từng chỉ tiêu theo Phụ lục I
- (4) Ghi điểm số đạt được sau khi đã trừ điểm số bị trừ theo quy định (nếu có)
- (5) Ghi số điểm bị trừ (nếu có) hoặc các nội dung khác
- (6) Công chức cấp xã tổng hợp điểm số của từng chỉ tiêu, tiêu chí được giao quản lý, theo dõi và ký, ghi rõ họ tên

2. Phiếu lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(PHUỜNG, THỊ TRẦN).... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

PHIẾU LẤY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG

Về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính

Địa điểm (1):.....

Tên thủ tục hành chính (2):.....

Đề nghị tổ chức/cá nhân vui lòng cho biết ý kiến bằng cách đánh dấu “X” vào ô “□” lựa chọn đối với các câu hỏi dưới đây:

1. Hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

Hài lòng

Không hài lòng

2. Hài lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

Hài lòng

Không hài lòng

Người đánh giá (3)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Ghi rõ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)...

(2) Ghi rõ tên thủ tục hành chính mà tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết. Ví dụ: Đăng ký khai sinh/Đăng ký kết hôn...

(3) Phần này không bắt buộc, có thể ghi hoặc không

3. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
..., ngày... tháng... năm...

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG Về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính

1. Tổng số lượt thủ tục hành chính đã được giải quyết và trả kết quả của năm trước liền kề năm đánh giá:.....

2. Tổng số ý kiến:.....

3. Kết quả tổng hợp:

Nội dung	Mức độ đánh giá				Ghi chú
	Hài lòng		Không hài lòng		
	Số ý kiến	Tỷ lệ %	Số ý kiến	Tỷ lệ %	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1. Hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả					

2. Hải lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả					
Kết quả trung bình về tỷ lệ % (*)					

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TỔNG HỢP
(Ký và ghi rõ họ tên)

(3) Tỷ lệ % = Số ý kiến tại cột (2)/Tổng số ý kiến x 100

(5) Tỷ lệ % = Số ý kiến tại cột (4)/Tổng số ý kiến x 100

(*) Tỷ lệ % trung bình = Tổng tỷ lệ % kết quả đánh giá sự hài lòng của 02 nội dung đánh tại cột (3) và cột (5).

4. Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp xã

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN).... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO

**Đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật
trên địa bàn xã (phường, thị trấn)...**

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Điều kiện địa lý, tự nhiên, kinh tế - xã hội, số lượng thôn, làng, bản, ấp, phum, sóc, tổ dân phố; dân số; xã (phường, thị trấn) thuộc loại nào trong các xã (phường, thị trấn) theo quy định về phân loại đơn vị hành chính.

- Thuận lợi, khó khăn trong đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Kết quả đạt được

1.1. Về chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện

1.2. Về đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

a) Kết quả thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật:

- Có.../5 tiêu chí tiếp cận pháp luật đạt từ 50% trở lên tổng số điểm tối đa

- Có.../5 tiêu chí tiếp cận pháp luật đạt dưới 50% tổng số điểm tối đa

- Tổng số điểm bị trừ:... điểm

- Tổng số điểm đạt được của 5 tiêu chí:.../100 điểm; số điểm sau khi làm tròn:... điểm.

b) Đối chiếu với các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

- Điều kiện về tổng số điểm của từng tiêu chí (nêu rõ đạt hay chưa đạt);

- Điều kiện về tổng số điểm của các tiêu chí (nêu rõ đạt hay chưa đạt);

- Điều kiện về tổng số điểm đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính (nêu rõ đạt hay chưa đạt);

- Điều kiện về cán bộ công chức cấp xã vi phạm kỷ luật theo quy định (nêu rõ các trường hợp vi phạm, hình thức bị kỷ luật..., đạt hay chưa đạt).

c) Trên cơ sở tổng hợp, đánh giá, chấm điểm các tiêu chí tiếp cận pháp luật và kết quả cuộc họp Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)... tự đánh giá: **Đạt/Chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.**

2. Những tác động (tích cực, tiêu cực) của việc thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật (đối với việc cải thiện điều kiện tiếp cận pháp luật của người dân đối với thông tin pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, giải quyết thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở cơ sở, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, tháo gỡ kịp thời mâu thuẫn, tranh chấp, vướng mắc, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn cấp xã).

3. Thuận lợi, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật và đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

4. Sáng kiến, kinh nghiệm trong thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật và đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

III. HẠN CHẾ, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

IV. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ XÂY DỰNG CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT; CẢI THIỆN ĐIỀU KIỆN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI DÂN

(Phần này nêu giải pháp cụ thể trong việc thực hiện các tiêu chí, xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong năm sau).

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đưa ra kiến nghị, đề xuất phù hợp với đặc thù địa phương về nhận thức, thể chế, chính sách; hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện; các điều kiện bảo đảm thực hiện và các vấn đề khác có liên quan đến xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (đối với Ủy ban nhân dân cấp trên; với các cơ quan, tổ chức có liên quan).

Nơi nhận:

- UBND huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).....;
-;
- Lưu: VT,...

**TM. ỦY BAN
NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Ký tên và đóng dấu)
Họ và tên

CHỦ TỊCH

(Ký tên và đóng dấu)
Họ và tên

5. Công văn đề nghị công nhận cấp xã đạt CTCPL

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CỘNGHÒAXÃHỘICHỦNGHĨAVIỆTNAM
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN).... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

Về việc đề nghị công nhận
cấp xã đạt chuẩn tiếp cận
pháp luật năm...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện....

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ kết quả cuộc họp đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ngày... tháng...năm....của UBND xã;

Căn cứ....,

UBND xã.... kính đề nghị UBND huyện....., tỉnh.....xem xét, quyết định công nhận Ủy ban nhân dân xã..... đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm.....

Hồ sơ kèm theo gồm có:

1. Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm.

3. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân;

4. Tài liệu chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm của Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Tài liệu khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....;

- Lưu: VT,...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên và đóng dấu)

Họ và tên

6. Biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ,
THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ
TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

Số:.../BB-HĐTCPL

..., ngày... tháng... năm...

BIÊN BẢN

Họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật

Thời gian:... giờ... ngày...tháng...năm...

Địa điểm:.....

Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp huyện (quận, thị xã, thành phố...).....tiến hành họp để xem xét, đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật năm....

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

Hội đồng có.....thành viên tham dự (vắng...),
bao gồm:

- Đồng chí:... Chủ trì cuộc họp;
- Đồng chí...- Thư ký cuộc họp;
- Các Ủy viên:.....người.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Hội đồng thảo luận, có ý kiến tư vấn về những nội dung sau:

- Kết quả tự đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của..... xã, phường, thị trấn trên địa bàn cấp huyện do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trình và Phòng Tư pháp tiếp nhận, tổng hợp;

- Đề xuất sáng kiến, giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

- Các nội dung, vấn đề khác có liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng theo quy định.

2. Ý kiến tư vấn của thành viên Hội đồng (ghi đầy đủ, cụ thể các ý kiến của thành viên Hội đồng tham dự họp)

3. Ý kiến của Chủ tịch Hội đồng

Căn cứ vào kết quả thảo luận của các thành viên Hội đồng và ý kiến của các đại biểu tham dự (nếu có), Chủ tịch Hội đồng có ý kiến:

- *Thể hiện ý kiến về các nội dung, vấn đề thuộc trách nhiệm của thành viên Hội đồng;*

- *Giao Phòng Tư pháp cấp huyện hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng và các tài liệu có liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.*

4. Kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thông qua biểu quyết hoặc phiếu lấy ý kiến

Nêu rõ có... thành viên/...tổng số thành viên Hội đồng nhất trí trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Cuộc họp kết thúc vào lúc... giờ ngày... tháng... năm....

Biên bản này được lập thành... bản, gửi.... và lưu giữ tại...

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

TM. HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

7. Danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHÒNG TƯ PHÁP

....., ngày.....tháng.....năm.....

DANH SÁCH CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT (*)

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Loại I (**)							
1							
2							
....								
II	Loại II (***)							
3								
4								
....								
III	Loại III (****)							
.....								
.....								

Nơi nhận:

-

- Lưu:....

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(*) Mẫu này do Phòng Tư pháp lập theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Quyết định số 619/QĐ-TTg

(**), (***), (****) Phân loại đơn vị hành chính loại I, loại II, loại III theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

(3) Sắp xếp xã, phường, thị trấn theo tổng số điểm đạt được từ cao xuống thấp đối với từng loại.

8. Danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH)

PHÒNG TƯ PHÁP

....., ngày.....tháng.....năm.....

DANH SÁCH CẤP XÃ CHƯA ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT (*)

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)	Cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Loại I (**)								
1								
2								
....									
II	Loại II (***)								
3									
4									
....									
III	Loại III (****)								
....									
....									

Nơi nhận:

-....

- Lưu:....

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(*) Mẫu này do Phòng Tư pháp lập theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Quyết định số 619/QĐ-TTg

(**), (***), (****) Phân loại đơn vị hành chính loại I, loại

II, loại III theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

(4) Sắp xếp xã, phường, thị trấn theo tổng số điểm đạt được từ cao xuống thấp đối với từng loại.

(10) Đánh dấu “X” nếu trong năm đánh giá có cán bộ, công chức bị xử lý kỉ luật theo quy định

9. Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THUỘC TỈNH)...

Số:.../QĐ-UBND

, ngày...tháng...năm...

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận (xã phường, thị trấn) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm....

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
(QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH...)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định

điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Theo hồ sơ đánh giá, biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật ngày...tháng...năm...;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận... xã, phường, thị trấn (có Danh sách kèm theo) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm....

Điều 2......

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Nơi nhận:

- Như Điều...;

-....;

- Lưu: VT,....

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC II
**Một số mẫu văn bản về Hội đồng đánh giá tiếp cận
pháp luật cấp huyện**

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THÀNH PHỐ)

....., ngày.... tháng... năm...

Số:.../QĐ-UBND

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận
pháp luật huyện (quận)...**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
(QUẬN)...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương
ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày
08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy
định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp
cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28
tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định
điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận
pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một
số nội dung xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn
tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Kế hoạch số.../KH-UBND ngày.../.../2017
của Ủy ban nhân dân huyện (quận) về việc triển khai

thực hiện Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn huyện (quận);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số.../TTr-TP ngày tháng... năm...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...), gồm các ông, bà có tên sau đây:....

Điều 2. Nhiệm vụ của Hội đồng

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Điều 5. Hiệu lực thi hành.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều...;

-....;

- Lưu: VT,....

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ,
THÀNH PHỐ...)

**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ
TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm...

Số:..../QĐ-HĐTCPL

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng
đánh giá tiếp cận pháp luật của huyện (quận,
thị xã, thành phố)...**

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương
ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28
tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định
điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận
pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một
số nội dung xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn
tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-UBND ngày...
tháng... năm... của Ủy ban nhân dân huyện (quận,
thị xã, thành phố...) về việc thành lập Hội đồng đánh
giá tiếp cận pháp luật của huyện (quận, thị xã, thành
phố...);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...).

Điều 2.....

Điều 3...../.

Nơi nhận:

- Như Điều...;

-.....;

- Lưu: VT,....

TM. HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ,
THÀNH PHỐ...)
**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ
TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm...

Số:.../QĐ-HĐTCPL

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG

**của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện
(quận, thị xã, thành phố...)**

*(Kèm theo Quyết định số.../QĐ-HĐTCPL
ngày.../.../... của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp
luật huyện (quận, thị xã, thành phố...))*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Nguyên tắc và phương thức hoạt động
của Hội đồng

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng

Điều 4. Trách nhiệm của Phó Chủ tịch Hội đồng

Điều 5. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG

Điều 6. Chế độ họp Hội đồng

Điều 7. Chế độ thông tin, báo cáo

Chương IV
CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

Điều 8. Kinh phí hoạt động của Hội đồng

Điều 9. Tổ chức thực hiện.

T.M HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT	3
I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA VÀ VỊ TRÍ VAI TRÒ	3
1. Mục đích, ý nghĩa	3
2. Vị trí, vai trò	4
II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN	5
1. Đối tượng áp dụng	5
2. Mục tiêu	6
3. Nguyên tắc thực hiện	6
III. CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN	7
1. Giai đoạn 1	7
2. Giai đoạn 2	8
3. Một số điểm mới về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định 619/QĐ-TTg so với Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg	9
Phần II: HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT	12
A - CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU VỀ CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT	12
I. GIỚI THIỆU CHUNG	12
II. NỘI DUNG, CÁCH TÍNH ĐIỂM VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN 05 TIÊU CHÍ VỀ ĐÁNH GIÁ CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT	12

1. Tiêu chí 1: Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật	12
2. Tiêu chí 2: Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	19
3. Tiêu chí 3: Phổ biến, giáo dục pháp luật (25 điểm)	26
4. Tiêu chí 4: Hòa giải ở cơ sở	39
5. Tiêu chí 5: Thực hiện dân chủ ở cơ sở	45
B - ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT	50
I. ĐIỀU KIỆN, THẨM QUYỀN CÔNG NHẬN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT	50
1. Điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	50
2. Thẩm quyền công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	52
II. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT	53
1. Thời hạn đề rà soát, đánh giá, chấm điểm, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	53
2. Trình tự, thủ tục đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã	53
3. Trình tự, thủ tục xem xét, công nhận xã, phường, thị, trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp huyện	57
4. Niêm yết kết quả đánh giá, công bố cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	59
C-HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT	65
1. Thẩm quyền thành lập Hội đồng	65

2. Thành phần:	65
3. Nhiệm vụ, quyền hạn	66
4. Phiên họp Hội đồng	70
5. Quan hệ công tác giữa Hội đồng, thành viên Hội đồng với Phòng Tư pháp cấp huyện	71
6. Kinh phí hoạt động của Hội đồng	72
D - QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT	72
1. Nội dung xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	72
2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp	74
3. Kinh phí xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	75
E - XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT TRONG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI	76
1. Giới thiệu chung	76
2. Biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới	77
PHỤ LỤC I: HƯỚNG DẪN CÁC BIỂU MẪU CHẤM ĐIỂM, ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT	83
PHỤ LỤC II: MỘT SỐ MẪU VĂN BẢN VỀ HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT CẤP HUYỆN	99

TÀI LIỆU

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Nguyễn Thị Lại, TUV, Giám đốc Sở Tư pháp Quảng Bình

BAN BIÊN TẬP

Trần Văn Lê – Phó Giám đốc Sở Tư pháp Quảng Bình
Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật, Sở Tư pháp

Trình bày bìa

Phòng Phổ biến giáo dục pháp luật,
Sở Tư pháp Quảng Bình

Sửa bản in

Phòng Phổ biến giáo dục pháp luật,
Sở Tư pháp Quảng Bình

In 4.200 cuốn, khổ 13x19 cm tại Công ty TNHH Đức Việt
Giấy phép xuất bản số: 16/GP-STTTT do Sở Thông tin và
Truyền thông Quảng Bình cấp ngày 10 tháng 6 năm 2019
In xong và nộp lưu chiểu tháng 6/2019.